

BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH
DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI VỚI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH LÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 12/2021/NQ-HĐND, NGHỊ QUYẾT SỐ 17/2023/NQ-HĐND VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 31/2023/NQ-HĐND

Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành (Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND, Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND và Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND)	Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thay thế (Dự thảo Nghị quyết mới thay thế)	Căn cứ pháp lý	Thuyết minh
- Nghị quyết số 12/2021, Điều 1: hỗ trợ tổ chức, cá nhân trong nước đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ tại Bình Phước; ưu tiên doanh nghiệp KH&CN và lĩnh vực thế mạnh. - Nghị quyết số 17/2023: điều chỉnh hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn Đồng Nai. - Nghị quyết số 31/2023, Điều 1: chính sách nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đầu tư và đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp trong nước tại Đồng Nai; không áp dụng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	Điều 1. Phạm vi và đối tượng 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, nội dung, điều kiện, mức hỗ trợ và hình thức hỗ trợ đổi mới công nghệ (bao gồm các hoạt động ứng dụng, tiếp nhận, chuyển giao, hoàn thiện, làm chủ và đổi mới công nghệ) cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, ... có nguồn vốn trong nước hoạt động trên địa bàn thành phố Đồng Nai. 2. Đối tượng áp dụng a) Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, ... trong nước được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố Đồng Nai; b) Các loại hình tổ chức khác có nguồn vốn trong nước hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố Đồng Nai theo quy định của pháp luật; c) Không áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, ... có vốn đầu tư nước ngoài.	Luật Tổ chức chính quyền địa phương 72/2025/QH15; Luật KH, CN và ĐMST 93/2025/QH15; Luật Chuyển giao công nghệ 07/2017/QH14 (sửa đổi 115/2025/QH15);	Hợp nhất phạm vi các chính sách trước đây, mở rộng từ doanh nghiệp sang tổ chức, cá nhân, hợp tác xã trong nước.

- Nghị quyết số 12/2021, Điều 2: công khai, minh bạch, bình đẳng, hiệu quả; không hỗ trợ nội dung đã sử dụng ngân sách; cho phép hỗ trợ nhiều nội dung khi đủ điều kiện; yêu cầu báo cáo hằng năm. - Nghị quyết số 31/2023, Điều 2: không hỗ trợ trùng lặp; mỗi thời điểm doanh nghiệp lựa chọn một chính sách, sau khi hoàn tất có thể xét nội dung khác.	Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ 1. Việc hỗ trợ phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, hiệu quả, đúng mục đích, không trùng lặp. 2. Trường hợp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, ... thực hiện đầu tư nhiều nội dung khác nhau trong phạm vi quy định tại Nghị quyết này thì sẽ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo từng nội dung khác nhau nếu đủ điều kiện. Trong trường hợp cùng một nội dung hỗ trợ được quy định tại nhiều chính sách khác nhau của thành phố, của trung ương thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách phù hợp nhất; 3. Ưu tiên hỗ trợ các dự án đổi mới công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển của thành phố; công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ chiến lược; công nghệ xanh, công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải; dự án có khả năng tạo giá trị gia tăng, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm; 4. Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, ... được nhận hỗ trợ phải đảm bảo sử dụng nguồn hỗ trợ đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và báo cáo việc sử dụng chi tiết nguồn hỗ trợ cho Sở Khoa học và Công nghệ hàng năm. 5. Đối tượng được hưởng hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết này nếu vi phạm nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ hoặc không có khả năng tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thì phải hoàn trả kinh phí đã được hỗ trợ về ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.	Luật Ngân sách nhà nước 89/2025/QH15; Nghị định 268/2025/NĐ-CP (cơ chế hỗ trợ đổi mới sáng tạo, chống trùng lặp hỗ trợ); quy định quản lý, sử dụng, thanh quyết toán NSNN.	Kế thừa nguyên tắc công khai, không trùng lặp, đồng thời cho phép nhiều nội dung độc lập nếu đủ điều kiện.
- Nghị quyết số 12/2021, Điều 3: hỗ trợ dự án đầu tư ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ. - Nghị quyết số 17/2023: chính sách hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ, gắn điều kiện, hồ sơ, hình thức và mức hỗ trợ.	Điều 3 khoản 1. Chuyển giao công nghệ 1. Hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị quyết này thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn thành phố.	Luật Chuyển giao công nghệ 07/2017/QH14, sửa đổi 115/2025/QH15; Nghị định 101/2026/NĐ-CP; Luật KH, CN và ĐMST 93/2025/QH15; Nghị định 268/2025/NĐ-CP.	Tập trung hỗ trợ chi phí dịch vụ trung gian và nghiệp vụ chuyển giao, mức tối đa 50% và 200 triệu đồng/hợp đồng/năm/đối tượng.

- Nghị quyết số 31/2023, Điều 3 khoản 3: hỗ trợ tư vấn chuyển giao, mua thiết kế, thuê chuyên gia nước ngoài, đào tạo nhân lực.	b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí môi giới chuyển giao công nghệ; tư vấn pháp lý phục vụ hoạt động chuyển giao công nghệ; tư vấn chuyển giao công nghệ; đánh giá công nghệ; định giá công nghệ; tư vấn lập, đàm phán hợp đồng chuyển giao công nghệ. c) Điều kiện hỗ trợ: - Công nghệ chuyển giao không thuộc danh mục công nghệ cấm chuyển giao; trường hợp công nghệ hạn chế chuyển giao phải đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; - Hoạt động chuyển giao công nghệ được thực hiện theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; - Có hợp đồng chuyển giao công nghệ và thực hiện đăng ký chuyển giao công nghệ trong trường hợp pháp luật quy định phải đăng ký; - Nội dung đề nghị hỗ trợ được thực hiện thực tế và có đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ. d) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thực tế, hợp pháp, hợp lệ để thực hiện các nội dung quy định tại điểm b khoản này; mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/hợp đồng/năm/đối tượng. đ) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ. e) Thành phần hồ sơ * Hồ sơ đề nghị hỗ trợ - Văn bản đề nghị hỗ trợ; - Tài liệu chứng minh thuộc đối tượng hỗ trợ; - Hợp đồng chuyển giao công nghệ; - Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ hoặc tài liệu chứng minh việc đăng ký trong trường hợp pháp luật quy định phải đăng ký;		
--	---	--	--

	- Hợp đồng hoặc thỏa thuận cung cấp dịch vụ đối với các nội dung môi giới, tư vấn, đánh giá, định giá công nghệ; - Thuyết minh khái quát về nội dung, mục tiêu, tiến độ và dự toán chi phí thực hiện nội dung đề nghị hỗ trợ. * Hồ sơ thanh toán kinh phí hỗ trợ - Văn bản đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ; - Báo cáo kết quả thực hiện; - Tài liệu chứng minh các nội dung được hỗ trợ đã hoàn thành; - Hợp đồng, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu hợp pháp, hợp lệ chứng minh chi phí thực tế phát sinh đối với từng nội dung được hỗ trợ.		
- Nghị quyết số 31/2023, Điều 3: có chính sách nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ tiên tiến và sản xuất thử nghiệm; không đồng nhất với chính sách riêng về hoàn thiện kết quả nghiên cứu đã nghiệm thu. - Nghị quyết số 12/2021, Điều 3: có nội dung nghiên cứu tạo công nghệ mới, giải mã, ươm tạo công nghệ.	Điều 3 khoản 2. Hoàn thiện kết quả nghiên cứu 2. Hỗ trợ hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ. a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị quyết này có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được nghiệm thu đạt yêu cầu và thực hiện hoạt động hoàn thiện, phát triển kết quả để ứng dụng hoặc thương mại hóa. b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoàn thiện, phát triển quy trình công nghệ; thử nghiệm trực tiếp phục vụ việc hoàn thiện, phát triển kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ. c) Điều kiện hỗ trợ: - Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được nghiệm thu đạt yêu cầu theo quy định; - Kết quả có khả năng tiếp tục hoàn thiện, phát triển để ứng dụng hoặc thương mại hóa;	Luật KH, CN và ĐMST 93/2025/QH15; Nghị định 268/2025/NĐ-CP; quy định về quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu có sử dụng NSNN (nếu có).	Tách chính sách hỗ trợ giai đoạn sau nghiệm thu để tăng khả năng ứng dụng/thương mại hóa; mức 30%, tối đa 3 tỷ đồng/dự án; sửa câu “Doanh nghiệp tự bảo đảm...” cho phù hợp đối tượng có cả tổ chức/cá nhân/HTX.

	- Đối tượng đề nghị hỗ trợ có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp và quyền tiếp tục hoàn thiện, phát triển kết quả; - Có dự án hoàn thiện, phát triển, trong đó xác định mục tiêu, nội dung, tiến độ, kinh phí và kết quả dự kiến; - Có khả năng bảo đảm phần kinh phí còn lại để thực hiện dự án hoặc phương án. d) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 30% chi phí thực tế, hợp pháp, hợp lệ của các nội dung được hỗ trợ; mức hỗ trợ tối đa 03 tỷ đồng/dự án. đ) Hình thức: Hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ. e) Thành phần hồ sơ * Hồ sơ đề nghị hỗ trợ - Văn bản đề nghị hỗ trợ; - Tài liệu chứng minh kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được nghiệm thu đạt yêu cầu; - Tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp và quyền tiếp tục hoàn thiện, phát triển kết quả; - Dự án hoặc phương án hoàn thiện, phát triển; - Tài liệu chứng minh hoặc cam kết bảo đảm phần kinh phí còn lại. * Hồ sơ thanh toán kinh phí hỗ trợ - Văn bản đề nghị thanh toán; - Báo cáo kết quả thực hiện dự án hoặc phương án; - Tài liệu đánh giá, xác nhận kết quả hoàn thiện, phát triển theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; - Hợp đồng, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu hợp pháp, hợp lệ chứng minh chi phí thực tế phát sinh đối với từng nội dung được hỗ trợ.		
- Nghị quyết số 31/2023, Điều 3 khoản 2: hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ tiên	Điều 3 khoản 3. Nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ và sản xuất thử nghiệm	Luật KH, CN và ĐMST 93/2025/QH15; Nghị định 268/2025/NĐ-CP;	Kế thừa nhóm nghiên cứu/làm chủ công nghệ và đề xuất tăng trần từ 1

tiến, sản xuất thử nghiệm; mức 30% tổng kinh phí, tối đa 1 tỷ đồng/doanh nghiệp; thông qua giao nhiệm vụ KH&CN. - Nghị quyết số 12/2021, Điều 3: hỗ trợ nghiên cứu tạo công nghệ mới, thiết kế chế tạo thiết bị, giải mã và ươm tạo công nghệ.	3. Hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ các công nghệ và sản xuất thử nghiệm a) Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị quyết này thực hiện dự án nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ hoặc sản xuất thử nghiệm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. b) Nội dung hỗ trợ: - Chi phí thuê chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện trực tiếp nội dung nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ; - Chi phí thuê dịch vụ kỹ thuật phục vụ trực tiếp hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm và đánh giá công nghệ; - Chi phí vật tư, nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm và sản xuất thử nghiệm; - Chi phí thử nghiệm, kiểm định, đánh giá kết quả trực tiếp phục vụ dự án; - Chi phí sản xuất thử nghiệm sản phẩm hoặc quy trình công nghệ hình thành từ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ. Các hoạt động hỗ trợ tập trung vào công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ tiên tiến, công nghệ xanh, công nghệ sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng và các công nghệ khác có khả năng góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, năng suất lao động, chất lượng hoặc hiệu quả sản xuất, kinh doanh. c) Điều kiện hỗ trợ: - Công nghệ, sản phẩm hoặc quy trình công nghệ thuộc phạm vi hỗ trợ quy định tại điểm b khoản này; - Có dự án nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ hoặc sản xuất thử nghiệm, trong đó xác định mục tiêu, nội dung, tiến độ, kinh phí và kết quả dự kiến;	Luật Công nghệ cao 133/2025/QH15;	lên 3 tỷ đồng/dự án, mức 30%; thay hình thức giao nhiệm vụ KH&CN bằng hỗ trợ trực tiếp.
--	---	--	--

	- Dự án có khả năng góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, năng suất lao động, chất lượng hoặc hiệu quả sản xuất, kinh doanh; - Có năng lực tổ chức thực hiện và bảo đảm phần kinh phí còn lại của dự án; - Đối với hoạt động sản xuất thử nghiệm, sản phẩm hoặc quy trình công nghệ phải được hình thành từ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng hoặc làm chủ công nghệ của dự án. d) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 30% chi phí thực tế, hợp pháp, hợp lệ của các nội dung quy định tại điểm b khoản này; mức hỗ trợ tối đa 03 tỷ đồng/dự án. đ) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ. e) Thành phần hồ sơ * Hồ sơ đề nghị hỗ trợ - Văn bản đề nghị hỗ trợ; - Tài liệu chứng minh thuộc đối tượng hỗ trợ; - Dự án nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ hoặc sản xuất thử nghiệm, trong đó xác định mục tiêu, công nghệ, nội dung, tiến độ, kết quả dự kiến và dự toán kinh phí; - Tài liệu chứng minh, mô tả khái quát về công nghệ, sản phẩm hoặc quy trình công nghệ; - Tài liệu chứng minh hoặc cam kết bảo đảm phần kinh phí còn lại. * Hồ sơ thanh toán kinh phí hỗ trợ - Văn bản đề nghị thanh toán; - Báo cáo kết quả thực hiện dự án; - Tài liệu đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;		
--	--	--	--

	- Hợp đồng, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu hợp pháp, hợp lệ chứng minh chi phí thực tế phát sinh đối với từng nội dung được hỗ trợ.		
- Nghị quyết số 12/2021, Điều 3: hỗ trợ đầu tư ứng dụng, chuyển giao, đổi mới/cải tiến thiết bị công nghệ hiện đại và một số ứng dụng chuyển đổi số. - Nghị quyết số 17/2023: quy định hỗ trợ hoạt động ứng dụng và đổi mới công nghệ. - Nghị quyết số 31/2023: hỗ trợ các hoạt động công nghệ phục vụ doanh nghiệp.	Điều 3 khoản 4. Đầu tư công nghệ mới và đổi mới công nghệ 4. Hỗ trợ đầu tư công nghệ mới, đổi mới công nghệ và ứng dụng khoa học, công nghệ a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị quyết này thực hiện đầu tư công nghệ, đổi mới công nghệ hoặc ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. b) Nội dung hỗ trợ - Chi phí mua máy móc, thiết bị công nghệ trực tiếp phục vụ hoạt động đầu tư, đổi mới công nghệ và ứng dụng khoa học, công nghệ; - Chi phí mua, tiếp nhận dây chuyền công nghệ; - Chi phí lắp đặt, tích hợp, hiệu chỉnh máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ thuộc dự án; - Chi phí mua, lắp đặt thiết bị đo lường, kiểm tra, thử nghiệm, kiểm soát chất lượng trực tiếp phục vụ hoạt động đầu tư, đổi mới công nghệ và ứng dụng khoa học, công nghệ; - Chi phí thử nghiệm, kiểm định, đánh giá trực tiếp để đưa máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ vào vận hành. c) Điều kiện hỗ trợ - Có dự án hoặc phương án đầu tư, trong đó xác định mục tiêu, nội dung, công nghệ, máy móc, thiết bị, tiến độ, kinh phí và hiệu quả dự kiến; - Công nghệ, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ có nguồn gốc rõ ràng, đáp ứng quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, an toàn và bảo vệ môi trường;	Luật Chuyển giao công nghệ 07/2017/QH14 (sửa đổi, bổ sung 115/2025/QH15); Luật KH, CN và ĐMST 93/2025/QH15; Nghị định 268/2025/NĐ-CP; quy định quản lý máy móc, thiết bị đã qua sử dụng và an toàn, môi trường tương ứng.	Hợp nhất nhóm đầu tư thiết bị/dây chuyền và chi phí lắp đặt, tích hợp; mức hỗ trợ 30%, tối đa 3 tỷ đồng/dự án/năm.

	- Đối với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành; - Việc đầu tư, đổi mới công nghệ có khả năng góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, giảm phát thải hoặc nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh; - Có năng lực tổ chức thực hiện và bảo đảm phần kinh phí còn lại của dự án. d) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 30% chi phí thực tế, hợp pháp, hợp lệ của các nội dung quy định tại điểm b khoản này; mức hỗ trợ tối đa 03 tỷ đồng/dự án/năm. đ) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ. e) Thành phần hồ sơ * Hồ sơ đề nghị hỗ trợ - Văn bản đề nghị hỗ trợ; - Tài liệu chứng minh thuộc đối tượng hỗ trợ; - Dự án hoặc phương án đầu tư; - Hồ sơ, tài liệu về công nghệ, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ dự kiến đầu tư, trong đó thể hiện các thông tin cần thiết về nguồn gốc, thông số kỹ thuật, công suất, hiệu suất và mức tiêu hao nguyên liệu, năng lượng; - Đối với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng, tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật; - Tài liệu chứng minh hoặc cam kết bảo đảm phần kinh phí còn lại. * Hồ sơ thanh toán kinh phí hỗ trợ - Văn bản đề nghị thanh toán; - Báo cáo kết quả thực hiện;		
--	---	--	--

	- Hợp đồng, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu hợp pháp, hợp lệ chứng minh chi phí thực tế phát sinh đối với từng nội dung được hỗ trợ; - Biên bản nghiệm thu, bàn giao và tài liệu chứng minh máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã được đưa vào sử dụng; - Đối với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng, tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật.		
- Nghị quyết số 31/2023: có các nội dung thúc đẩy hợp tác, tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng và làm chủ công nghệ.	Điều 3 khoản 5. Giới thiệu, kết nối công nghệ 5. Hỗ trợ giới thiệu, kết nối công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới và kết quả nghiên cứu a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị quyết này có công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới hoặc kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cần giới thiệu, trình diễn, kết nối và phát triển thị trường. b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí thuê gian hàng, không gian trưng bày, giới thiệu công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới và kết quả nghiên cứu; tham gia sự kiện trong trường hợp chương trình, ban tổ chức có quy định thu phí tham dự đối với hoạt động giới thiệu, trình diễn, kết nối cung - cầu công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới và kết quả nghiên cứu; vận chuyển, lắp đặt, trưng bày, trình diễn công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới và kết quả nghiên cứu phục vụ trực tiếp việc tham gia sự kiện. c) Điều kiện hỗ trợ: - Công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới hoặc kết quả nghiên cứu phù hợp với nội dung của sự kiện; - Có công nghệ, thiết bị, sản phẩm hoặc kết quả nghiên cứu cụ thể để giới thiệu, trưng bày, trình diễn hoặc kết nối;	Luật KH, CN và ĐMST 93/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước 89/2025/QH15; Nghị định 268/2025/NĐ-CP; các quy định chi tiêu công tác, hội nghị, hội chợ/triển lãm áp dụng.	

	- Được cơ quan có thẩm quyền lựa chọn, chấp thuận hoặc xác nhận tham gia; - Có kế hoạch tham gia, trong đó xác định nội dung, thời gian, địa điểm và dự kiến chi phí. d) Mức hỗ trợ: - Tối đa 30 triệu đồng/đối tượng/lần đối với sự kiện, hoạt động tổ chức trên địa bàn thành phố Đồng Nai; - Tối đa 50 triệu đồng/đối tượng/lần đối với sự kiện, hoạt động tổ chức tại các tỉnh, thành phố khác trong nước; - Tối đa 150 triệu đồng/đối tượng/lần đối với sự kiện, hoạt động tổ chức ở nước ngoài. Mức hỗ trợ cụ thể căn cứ vào chi phí thực tế, hợp pháp, hợp lệ của các nội dung quy định tại điểm b khoản này và trong phạm vi mức hỗ trợ tối đa nêu trên. đ) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ. e) Thành phần hồ sơ * Hồ sơ đề nghị hỗ trợ - Văn bản đề nghị hỗ trợ; - Tài liệu chứng minh thuộc đối tượng hỗ trợ; - Tài liệu giới thiệu công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới hoặc kết quả nghiên cứu; - Văn bản, tài liệu về việc lựa chọn, chấp thuận hoặc xác nhận tham gia sự kiện; - Kế hoạch tham gia sự kiện. * Hồ sơ thanh toán kinh phí hỗ trợ - Văn bản đề nghị thanh toán; - Báo cáo kết quả tham gia sự kiện; - Tài liệu chứng minh việc tham gia, trưng bày, giới thiệu, trình diễn hoặc kết nối;		
--	--	--	--

	- Hợp đồng, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu hợp pháp, hợp lệ chứng minh chi phí thực tế phát sinh đối với từng nội dung được hỗ trợ.		
- Nghị quyết số 31/2023, Điều 4: ngân sách tỉnh từ nguồn chi sự nghiệp KH&CN trong dự toán hằng năm. - Nghị quyết số 12/2021: ngân sách địa phương theo dự toán và cơ chế tài chính của chính sách.	Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện Kinh phí thực hiện chính sách được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, trong phạm vi dự toán chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được cấp có thẩm quyền giao hằng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.	Luật Ngân sách nhà nước 89/2025/QH15; Luật KH, CN và ĐMST 93/2025/QH15; quy định phân cấp và định mức chi NSNN hiện hành.	
- Nghị quyết số 12/2021 và - Nghị quyết số 31/2023: UBND cấp tỉnh tổ chức thực hiện; HĐND và các cơ quan liên quan giám sát theo thẩm quyền.	Điều 5. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố về kết quả thực hiện theo quy định. 2. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện chính sách; chủ trì hướng dẫn, tiếp nhận và tổng hợp hồ sơ đề nghị hỗ trợ; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc xem xét, đánh giá hồ sơ, tổ chức Hội đồng tư vấn hoặc lấy ý kiến chuyên gia khi cần thiết; theo dõi, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện chính sách. 3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách. 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết. 5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.	Luật Tổ chức chính quyền địa phương 72/2025/QH15; Luật Ban hành VBQPPL 64/2025/QH15 (sửa đổi 87/2025/QH15); Luật Ngân sách nhà nước 89/2025/QH15.	Kế thừa cơ chế UBND tổ chức thực hiện, HĐND và MTTQ giám sát.

- Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của HĐND tỉnh Bình Phước; - Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 và - Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai.	Điều 6. Điều khoản thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về nguyên tắc, điều kiện, nội dung, hình thức, hồ sơ và mức hỗ trợ hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 và Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030. 2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để thực hiện Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai khóa ..., Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026./.	Luật Ban hành VBQPPL 64/2025/QH15 (sửa đổi 87/2025/QH15); Nghị định 78/2025/NĐ-CP (sửa đổi 187/2025/NĐ-CP);	Thay thế để phù hợp tình hình thực tế
---	--	--	--